

Số: 108 /KH-SNNMT

Hưng Yên, ngày 19 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam và Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 5335/UBND-TH ngày 11/8/2026 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 217/NQ-CP ngày 06/8/2026 của Chính phủ. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Kế hoạch thực hiện Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam và Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị như sau:

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam;

Căn cứ Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam;

Căn cứ các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phát triển nông nghiệp, nông thôn, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ các quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW, với các nội dung chủ yếu sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt sâu sắc quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW; tạo chuyển biến thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn ngành Nông nghiệp và Môi trường về đổi mới mô hình phát triển theo hướng hiệu quả cao, xanh, sinh thái, tuần hoàn, sáng tạo, tự chủ, bền vững và thích ứng.

Cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của Sở thành các nhiệm vụ, đề án, chương trình, dự án và giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, có thứ tự ưu tiên, thời hạn hoàn thành, sản phẩm đầu ra và đơn vị chịu trách nhiệm.

Tạo chuyển biến thực chất trong quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản; phát triển nông nghiệp có giá trị gia tăng cao, nông nghiệp xanh, sinh thái, tuần hoàn, công nghệ cao; chủ động phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm; nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.

Đẩy mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; hình thành, kết nối và khai thác hiệu quả hệ thống dữ liệu ngành Nông nghiệp và Môi trường; từng bước chuyển từ phương thức quản lý hành chính, phản ứng sang quản trị dựa trên dữ liệu, dự báo và phục vụ phát triển.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhà nước và xã hội; tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân tham gia đầu tư, đổi mới công nghệ, phát triển chuỗi giá trị và hình thành các động lực tăng trưởng mới trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và môi trường.

2. Yêu cầu

Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết 19-NQ/TW và Chương trình 33-CTr/TW; đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng phát triển của tỉnh Hưng Yên.

Nhiệm vụ phải rõ việc, rõ đơn vị chủ trì, rõ đơn vị phối hợp, rõ tiến độ, rõ sản phẩm và rõ trách nhiệm.

Ưu tiên các nhiệm vụ có tính đột phá, tạo tác động lan tỏa, có khả năng huy động nguồn lực xã hội và tạo động lực tăng trưởng mới.

Không dàn trải nguồn lực; tăng cường lồng ghép các chương trình, đề án, dự án đang thực hiện.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh lương thực và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Đến năm 2030, tạo lập các nền tảng quan trọng để đổi mới mô hình phát triển ngành nông nghiệp và môi trường tỉnh Hưng Yên theo hướng hiệu quả cao, xanh, sinh thái, tuần hoàn, công nghệ cao, số hóa và thích ứng, trong đó: Nông nghiệp chuyển mạnh từ tăng sản lượng sang nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh; hình thành và nhân rộng các mô hình nông nghiệp xanh, sinh thái, tuần hoàn, phát thải thấp; quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản và môi trường ngày càng minh bạch, số hóa, dựa trên dữ liệu; nâng cao chất lượng môi trường, kiểm soát ô nhiễm từ nguồn; nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; tăng cường liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, cơ sở khoa học và thị trường; hình thành các chuỗi giá trị nông nghiệp có khả năng cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

Đến năm 2035, cơ bản hình thành hệ sinh thái nông nghiệp hiện đại, xanh, sinh thái và tuần hoàn; quản trị tài nguyên, môi trường dựa trên dữ liệu số; phát triển các ngành kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; nâng cao khả năng chống chịu của hệ thống nông nghiệp và nông thôn trước biến đổi khí hậu.

Đến năm 2045, ngành nông nghiệp và môi trường tỉnh Hưng Yên vận hành theo mô hình hiện đại, xanh, hiệu quả, sinh thái và bền vững; nông nghiệp có giá trị gia tăng cao; tài nguyên được quản trị hiệu quả; môi trường được bảo đảm; nông thôn hiện đại, xanh, văn minh và đáng sống.

2. Chỉ tiêu

Về nông nghiệp và kinh tế nông thôn: Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản hàng năm góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng chung của tỉnh. Tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm nông nghiệp được sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình an toàn, hữu cơ, sinh thái và có truy xuất nguồn gốc. Hình thành, củng cố các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sơ chế, chế biến và thị trường. Các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP có đủ điều kiện được hỗ trợ xây dựng chuỗi giá trị, thương hiệu và truy xuất nguồn gốc. Tăng số lượng và quy mô các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp chính xác, nông nghiệp tuần hoàn và phát thải thấp.

Về đất đai và tài nguyên: Cơ sở dữ liệu đất đai được xây dựng, cập nhật, chuẩn hóa và khai thác theo quy định. Tăng tỷ lệ hồ sơ, quy trình nghiệp vụ đất đai được số hóa. Rà soát, phân loại và xử lý theo thẩm quyền đối với đất bỏ hoang, đất sử dụng không hiệu quả, đất chậm đưa vào sử dụng và đất có vi phạm. Tăng cường quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước; kiểm soát các nguồn gây suy giảm, ô nhiễm nguồn nước. Tăng cường quản lý hoạt động khai thác khoáng sản, hạn chế thất thoát tài nguyên và ô nhiễm môi trường.

Về môi trường: Tăng tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý, tái sử dụng, tái chế theo quy định. Tăng cường phân loại chất thải tại nguồn phù hợp với lộ trình và điều kiện thực tế. Kiểm soát các nguồn thải có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Tăng cường quan trắc, giám sát, cảnh báo chất lượng môi trường. Từng bước nhân rộng mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng.

Về phòng, chống thiên tai và biến đổi khí hậu: Rà soát, cập nhật các khu vực có nguy cơ cao về ngập úng, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn và các loại hình thiên tai. Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai. Ưu tiên xử lý các công trình đê điều, thủy lợi, tiêu thoát nước xung yếu. Nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải.

Về chuyển đổi số: Hoàn thiện, kết nối và khai thác các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số. Ứng dụng GIS, viễn thám, IoT, AI, cảm biến và dữ liệu lớn trong những lĩnh vực có điều kiện và hiệu quả rõ ràng.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện thể chế, đổi mới quản trị và cải cách hành chính

Rà soát toàn bộ cơ chế, chính sách, quy định thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thuộc thẩm quyền của tỉnh và Sở; xác định những nội dung còn bất cập, chồng chéo, không còn phù hợp để tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa quy trình, chuẩn hóa hồ sơ; thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với nguồn lực, trách nhiệm và kiểm tra, giám sát.

Đổi mới phương thức quản lý theo hướng kiến tạo phát triển, phục vụ người dân và doanh nghiệp, tăng cường hậu kiểm đối với lĩnh vực, đối tượng đủ điều kiện.

Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các đơn vị thuộc Sở và với các sở, ngành, địa phương trong giải quyết các vấn đề liên ngành như đất đai - nông nghiệp - môi trường - nước - đô thị - công nghiệp - biến đổi khí hậu.

2. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững

Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, chuyển mạnh từ phát triển dựa vào tăng sản lượng sang phát triển dựa vào năng suất, chất lượng, công nghệ, đổi mới sáng tạo, xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô phù hợp, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất xanh, hữu cơ, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường liên kết giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu.

2.1. Trồng trọt

Ưu tiên phát triển cây trồng có giá trị, lợi thế cạnh tranh; ứng dụng giống chất lượng cao, cơ giới hóa, tự động hóa, tưới tiết kiệm, quản lý dịch hại tổng hợp, sản xuất an toàn và hữu cơ.

Đẩy mạnh mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, lúa giảm phát thải, cây ăn quả, rau màu, hoa, cây cảnh và sản phẩm đặc trưng phù hợp từng vùng.

2.2. Chăn nuôi

Phát triển chăn nuôi tập trung, an toàn sinh học; kiểm soát dịch bệnh, an toàn thực phẩm và môi trường.

Khuyến khích hình thành chuỗi giống - thức ăn - chăn nuôi - giết mổ - chế biến - tiêu thụ, nâng tỷ trọng sản phẩm chế biến.

2.3. Thủy sản

Phát triển nuôi thủy sản có kiểm soát về môi trường, an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ; ưu tiên các mô hình nuôi sinh thái, tuần hoàn phù hợp với vùng ven biển, vùng bãi và vùng đất ngập nước.

Gắn thủy sản với bảo vệ hệ sinh thái ven biển, rừng ngập mặn và đa dạng sinh học.

3. Phát triển nông nghiệp xanh, sinh thái, tuần hoàn và phát thải thấp

Triển khai và nhân rộng: trồng trọt - chăn nuôi tuần hoàn; sử dụng phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón, thức ăn, nguyên liệu; xử lý chất thải chăn nuôi; sản xuất lúa giảm phát thải; tưới tiết kiệm; giảm sử dụng vật tư đầu vào có nguy cơ gây ô nhiễm; sản xuất hữu cơ, sinh thái; nuôi thủy sản tuần hoàn.

Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ theo dõi phát thải trong những ngành, sản phẩm có điều kiện.

4. Đẩy mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Xây dựng hệ sinh thái dữ liệu ngành Nông nghiệp và Môi trường, trong đó ưu tiên: Cơ sở dữ liệu đất đai; Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; Cơ sở dữ liệu môi trường; Cơ sở dữ liệu sản xuất nông nghiệp; Dữ liệu thiên tai, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu; Dữ liệu vùng sản xuất, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc.

Ứng dụng GIS, viễn thám, IoT, AI, drone và cảm biến ở những khâu mang lại hiệu quả thực tế.

Xây dựng các mô hình quản lý tài nguyên dựa trên dữ liệu, từng bước chuyển từ quản lý thủ công sang giám sát, phân tích và cảnh báo.

5. Phát triển thị trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và chuỗi giá trị

Chuyển trọng tâm từ “hỗ trợ sản xuất” sang “tổ chức sản xuất theo nhu cầu thị trường”.

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã: xây dựng vùng nguyên liệu; tiêu chuẩn hóa sản phẩm; truy xuất nguồn gốc; xây dựng thương hiệu; chuyển đổi số; liên kết chế biến; logistics; thương mại điện tử; mở rộng thị trường.

Ưu tiên doanh nghiệp có công nghệ, năng lực chế biến và thị trường làm hạt nhân dẫn dắt chuỗi.

Phát triển hợp tác xã theo hướng chuyên ngành, liên kết chuỗi, có năng lực tổ chức sản xuất và đại diện cho người sản xuất.

6. Phát triển Chương trình OCOP gắn với du lịch

Tiếp tục thực hiện OCOP theo hướng chất lượng, thương hiệu, thị trường và giá trị gia tăng.

Không chạy theo số lượng sản phẩm; tập trung nâng cấp các sản phẩm có tiềm năng phát triển thành sản phẩm chủ lực.

Gắn OCOP với: vùng nguyên liệu; làng nghề; văn hóa địa phương; du lịch nông nghiệp; thương mại điện tử; truy xuất nguồn gốc; xây dựng thương hiệu.

Phát triển các mô hình trải nghiệm sản xuất, trang trại, làng nghề, vùng sản xuất đặc trưng gắn với du lịch phù hợp với điều kiện thực tế.

7. Quản lý đất đai theo hướng hiện đại, minh bạch và hiệu quả

Hoàn thiện, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai; đẩy mạnh số hóa hồ sơ địa chính.

Công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Rà soát, phân loại: đất bỏ hoang; đất sử dụng không hiệu quả; đất chậm đưa vào sử dụng; đất có vi phạm; đất công, đất do Nhà nước quản lý.

Gắn quản lý đất đai với quy hoạch phát triển nông nghiệp, công nghiệp, đô thị, hạ tầng và bảo vệ môi trường

8. Bảo vệ môi trường, kinh tế tuần hoàn và quản lý tài nguyên

Chuyển mạnh từ “xử lý ô nhiễm” sang “phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm”.

Tập trung vào các nguồn có nguy cơ cao: khu, cụm công nghiệp; làng nghề; chăn nuôi; nuôi trồng thủy sản; khu dân cư; cơ sở chế biến nông sản.

Tăng cường quan trắc, giám sát và cảnh báo môi trường.

Thúc đẩy: phân loại chất thải; tái sử dụng; tái chế; sản xuất sạch hơn; tiết kiệm nước; tiết kiệm năng lượng; kinh tế tuần hoàn; khu công nghiệp sinh thái; sản xuất xanh.

Đồng thời tăng cường quản lý tài nguyên nước, khoáng sản; kiểm soát khai thác trái phép, khai thác vượt quy định, thất thoát tài nguyên và trách nhiệm phục hồi môi trường sau khai thác.

9. Chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu

Tăng cường dự báo, cảnh báo sớm; xây dựng và cập nhật bản đồ nguy cơ thiên tai.

Ưu tiên các khu vực: ven sông; vùng trũng thấp; vùng ven biển; khu vực có nguy cơ ngập úng; khu vực có nguy cơ xâm nhập mặn; khu vực có công trình đê điều, thủy lợi xung yếu.

Rà soát, tham mưu đầu tư, nâng cấp các công trình đê điều, thủy lợi, tiêu thoát nước và phòng chống thiên tai theo thứ tự ưu tiên.

Phát triển các mô hình sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đối với vùng ven biển, đất ngập nước, rừng ngập mặn và hệ sinh thái đặc thù, thực hiện đồng thời bảo tồn - phục hồi hệ sinh thái - sinh kế - du lịch sinh thái, bảo đảm không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng ngắn hạn.

10. Phát triển nguồn nhân lực, tăng cường kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện

Đào tạo cán bộ về: quản trị dữ liệu; chuyển đổi số; AI và công nghệ mới; đất đai; tài nguyên nước; môi trường; nông nghiệp xanh; kinh tế tuần hoàn; biến đổi khí hậu; thị trường carbon.

Đồng thời đào tạo nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp về tiêu chuẩn, công nghệ, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số và liên kết chuỗi.

Hàng năm tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo sản phẩm và kết quả đầu ra, không chỉ đánh giá bằng số cuộc họp, hội nghị hoặc văn bản ban hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, đơn vị thuộc Sở

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ tại Kế hoạch này: xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể; xác định nhiệm vụ chủ trì, phối hợp; xác định tiến độ, sản phẩm; chủ động bố trí, lồng ghép nguồn lực; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện.

Chịu trách nhiệm theo lĩnh vực được giao; chủ động tham mưu các nhiệm vụ, đề án, mô hình cụ thể; định kỳ đánh giá kết quả theo sản phẩm đầu ra.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Là đầu mối theo dõi, đôn đốc việc triển khai Kế hoạch; tổng hợp tiến độ và kết quả thực hiện.

Chủ trì tham mưu lồng ghép các nhiệm vụ vào kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách và các chương trình, đề án liên quan.

Định kỳ hằng năm tổng hợp, tham mưu lãnh đạo Sở báo cáo UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh vấn đề mới, các phòng, đơn vị kịp thời báo cáo Sở (qua Phòng Kế hoạch - Tài chính) để tổng hợp, tham mưu lãnh đạo Sở xem xét, điều chỉnh hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền.

Trên đây là Kế hoạch Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam và Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị; Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng để tổ chức, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (để tổng hợp);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (để báo cáo);
- Ban giám đốc Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trương
Nguyễn Văn Trường